



1/7 – Chân phước Juniperô Serra, Linh mục (1713-1784)

Năm 1776, khi cuộc Cách mạng Hoa Kỳ bắt đầu ở miền Đông, một vùng khác của Hoa Kỳ sau đó cũng được sinh ra tại California. Năm đó, một tu sĩ Dòng Phanxicô thành lập Hội Truyền giáo Thánh Gioan Capistranô (Mission San Juan Capistrano). Thánh Gioan Capistranô là Hội Truyền giáo thứ 7 trong 9 Hội Truyền giáo được thành lập theo hướng dẫn của người Tây Ban Nha bất khuất (indomitable Spaniard).

Sinh tại đảo Mallorca, thuộc Tây Ban Nha, Serra vào Dòng Phanxicô, lấy tên theo người bạn của Thánh Phanxicô là Juniperô. Tới lúc 35 tuổi, ngài dành nhiều thời gian học tập – đầu tiên học thần học rồi làm giáo sư. Ngài cũng nổi tiếng về giảng thuyết. Bất ngờ ngài bỏ hết mọi sự khi nghe nói về việc truyền giáo của thánh Phanxicô Sôlanô ở Nam Mỹ. Ước mong của ngài là hoán cải dân bản xứ ở Tân Thế Giới.

Đến Vera Cruz, thuộc Mexico, ngài và một người bạn đi bộ 250 dặm tới thành phố Mexico. Trên đường đi, chân trái ngài bị nhiễm trùng do bị côn trùng cắn và đôi khi đe dọa tính mạng trong suốt phần đời còn lại của ngài. Suốt 18 năm, ngài làm việc ở miền Trung Mexico và ở bán đảo Baja, ngài trở thành trưởng nhóm truyền giáo ở đó.

Hứa ở lại với dân địa phương, ngài và một tu sĩ nữa bắt đầu làm tuần cửu nhật chuẩn bị lễ Đức Thánh Giuse 19-3. Sau đó có thêm các Hội Truyền giáo khác là Hội Truyền giáo Monterey/Carmêlô (1770); Hội Truyền giáo Thánh Antônô và Thánh Gabriel (1771); Hội Truyền giáo Thánh Luís Obispo (1772); Hội Truyền giáo Thánh Phanxicô và Thánh Gioan Capistranô (1776); Hội Truyền giáo Thánh Clara (1777); Hội Truyền giáo Thánh Bônaventura (1782). Sau khi ngài qua đời, có thêm 12 nhóm truyền giáo khác được thành lập.

Đời sống truyền giáo của ngài là cuộc chiến với cái lạnh và cái đói, với quân đội không thông cảm và với cả cái chết rình rập vì dân bản xứ. Nhưng hàng đêm ngài vẫn hằng say cầu nguyện, thường là từ nửa đêm tới sáng. Ngài rửa tội cho hơn 6.000 người và thêm sức cho 5.000. Hầu như ngài đi vòng quanh trái đất. Ngài đem lại cho người Mỹ bản xứ không chỉ đức tin Công giáo mà còn tiêu chuẩn sống nên được họ quý mến. Sau khi qua đời, ngài được an táng tại Dòng Truyền Giáo San Carlo Borromeo, Carmel, và được phong chân phước năm 1988.



2/7 – Thánh Oliver Plunkett, Giám mục Tử đạo (1629-1681)

Thánh Oliver Plunkett tử đạo vì bảo vệ đức tin ở Ai-len trong thời bách hại dữ dội.

Ngài sinh tại County Meath năm 1629, học ở Rôma và thụ phong linh mục năm 1654. Sau vài năm dạy học và phục vụ người nghèo ở Rôma, ngài được bổ nhiệm làm tổng giám mục giáo phận Armagh ở Ai-len. Năm 1673, một làn sóng chống Công giáo nổi lên, buộc ngài phải làm mục vụ bí mật và sống lén lút. Trong khi đó, nhiều linh mục bị đi đày, các trường học bị đóng cửa, thánh lễ phải cử hành bí mật, các dòng tu và chủng viện bị hạn chế.

Là TGM, ngài phải chịu trách nhiệm về mọi cuộc nổi loạn hoặc hoạt động chính trị trong các giáo dân. Ngài bị bắt tù ở Dublin Castle năm 1679, nhưng bị xử tại London. Sau 15 phút nghị án, thẩm phán kết án ngài tội xúi giục nổi loạn. Ngài bị treo cổ, bị kéo lê và bị phân thân làm tư vào tháng 7-1681. Chân phước Giáo hoàng Phaolô VI phong thánh cho ngài năm 1975.



3/7 – Thánh Tôma, Tông đồ

Tội nghiệp thánh Tôma! Ngài đã từng bị gắn mác là "Tôma đa nghi". Nhưng nếu ngài không nghi ngờ thì ngài cũng tin. Ngài nói một câu minh nhiên nhất trong Tân ước: "*Lạy Chúa, lạy Thiên Chúa của con!*" (x. Ga 20:24-28), đó là câu tuyên xưng đức tin đã cho các tín hữu một lời cầu nguyện mãi mãi cho đến tận thế. Ngài cũng gợi ra một lời khen của Chúa Giêsu dành cho các tín hữu: "*Phúc thay những người không thấy mà tin!*" (Ga 20:29).

Thánh Tôma có tiếng là can đảm. Có thể điều ngài nói là mạnh mẽ – vì ngài chạy, cũng như những người khác, khi bị thử thách – nhưng ngài có thể không thành thật khi ngài bày tỏ sự sẵn sàng chết với Chúa Giêsu. Cơ hội là khi Chúa Giêsu đề nghị đi tới Bêtania sau khi Ladarô đã chết. Vì Bêtania gần Giêrusalem, nghĩa là đi bộ ngay giữa lòng quân thù và hầu như là chết chắc! Nhận ra điều này, thánh Tôma đã nói với các tông đồ: "*Cả chúng ta nữa, chúng ta cũng đi để cùng chết với Thầy!*" (Ga 11:16b).



4/7 – Thánh Elizabeth Bồ Đào Nha (1271-1336)

Elizabeth thường được mô tả trong trang phục hoàng gia với con chim bồ câu hoặc cành lá ôliu. Khi bà sinh năm 1271, cha bà là Pedro III, vua tương lai của Aragon, hòa giải với ông nội bà là James, nhà vua đang tại vị. Vì ảnh hưởng sức khỏe trong những năm đầu đời, bà biết sống có kỷ luật cần thiết cho tâm linh. Lúc 12 tuổi, bà được hứa hôn với Denis, vua của Bồ Đào Nha. Nhưng bà tự phát triển cách sống trong tình yêu Thiên Chúa, không chỉ bằng lòng yêu thương, kể cả qua thánh lễ hàng ngày, mà còn qua việc thực hành bác ái, nhờ đó bà có thể thân thiện và giúp đỡ khách hành hương, người lạ, bệnh nhân, và người nghèo. Bà tận tụy với chồng, nhưng chồng bà không chung thủy và tạo ảnh hưởng xấu tới vương quốc.

Bà tìm sự bình an cho chồng nơi Thiên Chúa. Cuối cùng bà được ơn Chúa là chồng bà bỏ đảng tội lỗi. Bà cố gắng kiến tạo hòa bình giữa Ferdinand, vua của Aragon, và người anh em của vua Ferdinand là James, vì James muốn tiến ngôi. Sau khi chồng mất, bà vào dòng Phanxicô thánh Clara.



5/7 – Thánh Antôn Zaccaria, Linh mục (1502-1539)

Vào lúc Martin Luther công kích các sự lạm dụng trong Giáo hội, một cuộc cải cách Giáo hội đã nảy sinh. Một trong số người chống cải cách là Antôn Zaccaria. Mẹ ngài góa bụa lúc mới 18 tuổi và dành hết thời gian để giáo dục tâm linh cho con trai. Lúc 22 tuổi, ngài nhận bằng tiến sĩ y khoa, ngài hoạt động giúp dân nghèo bản xứ Cremona, và rồi bị thu hút vào hoạt động tông đồ. Ngài thụ phong linh mục lúc 26 tuổi. Ngài được sai đi Milan vài năm, và lập 3 dòng, một cho nam, một cho nữ, và một cho giáo dân. Ba dòng này họp định kỳ và khuyến khích nhau hoạt động tông đồ bằng nhiều cách. Mục đích của dòng là cải cách xã hội suy đồi thời đó, bắt đầu từ giáo sĩ và tu sĩ.

Được linh hứng nhờ thánh Phaolô (tên dòng là Barnabites), ngài giảng đạo bằng sự nhiệt thành cả trong nhà thờ và ngoài đường phố. Ngài khuyến khích canh tân và hợp

tác làm việc tông đồ, năng rước lễ, lòng sùng kính suốt 24 giờ và giặt chuông nhà thờ lúc 3 giờ chiều vào các ngày thứ Sáu.

Sự thánh thiện của ngài đã lay động nhiều người canh tân đời sống, nhưng cũng có nhiều người chống đối ngài. Ngài bị bệnh nặng và được đưa về nhà thăm hiên mẫu. Ngài qua đời tại Cremona lúc 36 tuổi.



6/7 – Thánh Maria Goretti, Đồng trinh Tử đạo (1890-1902)

Có đến 250.000 người tham dự lễ phong thánh cho “cô bé” Maria Goretti.

Maria Goretti là con một tá điền người Ý nghèo nàn, không được đi học nên không biết đọc biết viết. Maria Goretti được rước lễ lần đầu không được bao lâu thì qua đời lúc 12 tuổi.

Vào một buổi chiều tháng Bảy nóng bức, Maria Goretti ngồi trên đầu cầu thang trong nhà để sửa áo, chưa đầy 12 tuổi như cơ thể đã nảy nở. Một chiếc xe bò dừng lại bên ngoài, một người hàng xóm là Alessandro Serenelli, 18 tuổi, chạy lên cầu thang. Hắn chộp lấy Maria Goretti và đưa vào giường. Maria Goretti chống cự dữ dội và kêu cứu, hấn định tự sát chứ không chịu bị bắt. Maria Goretti nói: “Không, Chúa không muốn vậy.

Đó là tội. Anh sẽ sa hỏa ngục vì tự tử”. Alessandro bắt đầu chĩa dao và đâm Maria Goretti.

Maria Goretti được đưa tới bệnh viện. Giây phút cuối, Maria Goretti lo cho mẹ sẽ có ngủ được hay không, và sẵn sàng tha thứ cho kẻ giết mình. Maria Goretti trút hơi thở cuối cùng sau 24 giờ bị đâm.

Kẻ sát nhân bị kết án 30 năm tù. Một thời gian lâu sau mà hắn vẫn không hối hận. Có một đêm hắn chiêm bao thấy Maria Goretti hái những bông hoa trao cho hắn. Từ đó hắn thay đổi cuộc sống. Sau 27 năm tù, Alessandro được tha, hành động đầu tiên là anh ta đến xin lỗi mẹ của Maria Goretti.

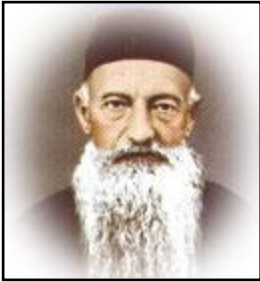
Lòng sùng kính vị thánh trẻ tử đạo này lan nhanh, các phép lạ xuất hiện, Maria Goretti được phong thánh chỉ sau gần 50 năm. Năm 1947, tại lễ phong chân phước cho Maria Goretti, người mẹ (lúc đó 82 tuổi), 2 em gái và 1 em trai đã xuất hiện cùng với ĐGH Piô XII trên lan can Đền thờ thánh Phêrô. Ba năm sau, tại lễ phong thánh cho Maria Goretti, Alessandro Serenelli (lúc đó đã 66 tuổi) quỳ giữa hàng trăm người và bật khóc.

7/7 – Chân phước Emmanuel Ruiz, Linh mục, và các bạn tử đạo (1804-1860)

Không biết nhiều về cuộc đời hồi trẻ của chân phước Emmanuel Ruiz, nhưng chúng ta biết chi tiết về cái chết anh dũng của Ruiz vì bảo vệ đức tin.

CP Emmanuel Ruiz sinh trong một gia đình khiêm nhường ở Santander, Tây Ban Nha. Ngài tu Dòng Phanxicô, thụ phong linh mục và đi truyền giáo ở Damascus. Đó là lúc Công giáo bị chống đối làm rung chuyển Syria và

hàng ngàn người bị sát hại. Trong số đó có CP Emmanuel Ruiz, bề trên Dòng Phanxicô, 7 tu sĩ và 3 giáo dân. Khi đám đông đến lục soát, họ cương quyết bảo vệ đức tin và không chịu theo Hồi giáo. Họ bị hành hạ dã man cho đến chết. CP Emmanuel Ruiz cùng các tu sĩ và các giáo dân được ĐGH Piô XI tôn phong chân phước năm 1926.



8/7 – Thánh Gregoriô Grassi, Giám mục, và các bạn tử đạo (qua đời năm 1900)

Các nhà truyền giáo thường bị bắt phải chống lại quốc gia mình. Khi chính phủ Anh, Đức, Nga và Pháp phải nhượng bộ ở người Trung quốc (TQ) năm 1898, tinh thần bài ngoại gia tăng cao độ ở người TQ.

Gregory Grassi sinh tại Ý năm 1833, thụ phong linh mục năm 1856 và được sai tới TQ năm 1861. Sau đó ngài được bổ nhiệm làm giám mục giáo phận Bắc Sơn Tây (North Shanxi). Với 14 nhà truyền giáo khác người Âu châu và 14 tu sĩ người TQ, ngài chịu tử đạo trong thời Boxer Uprising (Nghĩa Hòa Đoàn) ở Trung quốc (1900-1901).

26 vị tử đạo bị bắt theo lệnh của Yu Hsien, thống đốc tỉnh Sơn Tây. Họ bị đánh chết ngày 9-7-1900. Trong đó có 5 tu sĩ Dòng Phanxicô và 7 tu sĩ Dòng Phanxicô Truyền giáo Đức Mẹ, 7 chủng sinh người TQ, 4 giáo dân người TQ Dòng Ba Phanxicô, 3 vị khác là giáo dân bị giết ở Sơn Tây chỉ vì làm việc cho Dòng Phanxicô. Có 3 tu sĩ Dòng Phanxicô người Ý bị giết cùng tuần đó ở tỉnh Hồ Nam (Hunan). Đó là những vị tử đạo đầu tiên của Dòng, và được tôn phong chân phước năm 1946.



9/7 – Thánh Augustinô Zhao Rong và các bạn (thế kỷ 17-20)

Kitô giáo đến Trung quốc (TQ) qua lối Syria vào những năm 600. Tùy thuộc mối quan hệ của TQ với thế giới bên ngoài, Kitô giáo qua các thế kỷ đã được tự do hoặc phải hoạt động bí mật.

120 vị tử đạo này bị giết từ năm 1648 tới 1930. Trong số đó có 87 vị sinh tại TQ, là trẻ em, người lớn, giáo lý viên hoặc dân lao động, độ tuổi từ 9 tới 72. Trong đó có 4 linh mục triều người TQ.

33 vị tử đạo người ngoại quốc, đa số là linh mục và nữ tu, thuộc Dòng Đa Minh (OP, Order of Preachers), Hội Thừa sai Balê (Paris Foreign Mission Society), Dòng Phanxicô (Friars Minor), Dòng Tên (Jesuits), Dòng Sa-le-diêng (Salesians) và Dòng Phanxicô Truyền giáo Đức Mẹ (Franciscan Missionaries of Mary).

Thánh Augustinô Zhao Rong là một binh sĩ người TQ đi theo ĐGM Gioan Gabriel Taurin Dufresse (Hội Thừa sai Balê) tới nơi tử hình ở Bắc Kinh (Beijing). Thánh Augustinô được rửa tội và không lâu sau được thụ phong linh mục, rồi chịu tử đạo năm 1815. Được phong chân phước nhiều đợt, nhưng cả 120 vị tử đạo này được phong thánh tại Rôma ngày 1-10-2000.



10/7 – Thánh Veronica Giuliani (1660-1727)

Veronica muốn nên giống Chúa Kitô bị đóng đinh và đã được Chúa cho chịu Dấu Thánh (stigmata).

Thánh Veronica sinh tại Mercatelli. Người ta nói rằng khi mẹ bà là Benedetta hấp hối đã gọi 5 cô con gái tới bên giường và trao cho mỗi người con một Dấu Thánh của Chúa Giêsu. Veronica được trao Vết Thương của Thánh Tâm Chúa Giêsu.

Lúc 17 tuổi, Veronica vào Dòng Thánh Clara Khó nghèo, do các tu sĩ Dòng Phanxicô hướng dẫn. Người cha muốn con gái mình kết hôn, nhưng Veronica thuyết phục để được

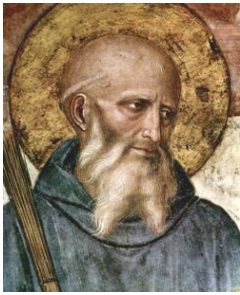
đi tu. Trong những năm đầu ở tu viện, bà làm việc trong nhà bếp, nhà bệnh nhân, phòng thánh và giữ cổng. Lúc 34 tuổi, bà được bầu làm giáo tập (novice mistress). Lúc 37 tuổi, bà được nhận Dấu Thánh.

Tòa Thánh muốn kiểm tra tính chính xác nên mở cuộc điều tra. Bà phải tạm thời nghỉ làm giáo tập và không được dự Thánh lễ hàng ngày, trừ Chúa nhật và lễ trọng. Sau một thời gian, bà được phục chức giáo tập và giữ chức vụ này suốt 22 năm.

Lúc 56 tuổi, bà được bầu làm Mẹ bề trên, thời gian là 11 năm khi bà qua đời. Bà rất sùng kính Thánh Thể và Thánh Tâm Chúa. Bà được phong thánh năm 1839.

11/7 – Thánh Bê-nê-đi-cô, Viện phụ (480?-543)

Không có tiểu sử về một người đã ảnh hưởng nhiều đến đời sống đan tu ở Tây phương như thánh Bê-nê-đi-cô (phiên âm theo Việt ngữ là Biển Đức, đúng nghĩa chữ "benedictus" là ân phúc). Ngài được nhận ra trong cuốn



“Những Cuộc Đối Thoại” (Dialogues) của thánh Grêgôriô, nhưng có những bản phác họa cho thấy những điều kỳ lạ trong cuộc đời ngài.

Thánh Bênêđictô sinh trưởng trong một gia đình gia giáo ở Trung Ý, học tập ở Rôma. Ngay hồi còn trẻ ngài đã bị thu hút vào đời đan tu. Mới đầu ngài sống ẩn tu, xa lánh thế giới – quân đội ngoại giáo hoành hành, Giáo hội bị phân tán vì ly giáo, con người khổ sở vì chiến tranh, luân lý suy đồi.

Ngài sớm nhận ra mình không thể sống ẩn dật trong một thành phố nhỏ, thế rồi ngài thu mình vào một hang động cao trên núi trong 3 năm. Một số tu sĩ chọn ngài làm lãnh đạo một thời gian, nhưng thấy sự nghiêm khắc của ngài không hợp với họ. Ngài có ý định thu nhập các tu sĩ ở các dòng thành một “Đại Tu viện” (Grand Monastery) để họ có lợi về

tình đoàn kết, tình huynh đệ, và phụng sự Chúa mãi mãi trong một ngôi nhà. Cuối cùng ngài xây dựng một nhà mà sẽ nổi tiếng nhất thế giới là Tu viện Monte Cassino, nơi có 3 thung lũng hẹp chạy về phía núi.

Tu luật dần dần phát triển quy định đời sống cầu nguyện bằng phụng vụ, học tập, lao động chân tay và sống đời cộng đoàn dưới quyền một vị cha chung là Viện phụ. Đời khổ tu của Dòng Biển Đức có tiếng về sự tiết độ, đức bác ái của dòng luôn tỏ ra quan tâm những người xung quanh. Thời Trung cổ, đời sống tu trì ở Tây phương đều dần dần theo tu luật Biển Đức. Ngày nay, gia đình Biển Đức có 2 chi nhánh: Biển Đức và Xitô (Cistercians).

12/7 – Các thánh Gioan Jones và Gioan Wall, Tử đạo (qua đời khoảng 1530-1598; 1620-1679)

Hai tu sĩ này tử đạo ở Anh hồi thế kỷ XVI và XVII vì không chịu từ bỏ đức tin.

Thánh Gioan Jones là người xứ Wales (Anh), là linh mục triều và bị tù 2 lần vì cử hành các bí tích trước khi rời khỏi Anh quốc năm 1590. Ngài vào Dòng Phanxicô lúc 60 tuổi và trở về Anh 3 năm sau, khi nữ hoàng Elizabeth I lên ngôi. Ngài chăm sóc người Công giáo ở vùng quê nước Anh đến khi vô tù năm 1596. Ngài bị treo cổ, kéo lê và phân thây làm tư ngày 12-7-1598.

Thánh Gioan Wall cũng sinh trưởng ở Anh nhưng học ở ĐH Anh quốc Douai tại Bỉ. Ngài thụ phong linh mục ở Rôma năm 1648, gia nhập Dòng Phanxicô ở Douai vài năm sau. Năm 1656, ngài trở lại làm việc bí mật tại Anh quốc.

Năm 1678, Titus Oates bắt nhiều người Anh lao động cực khổ tại đất nước này. Từ đó, người Công giáo không được tham gia vào Quốc hội, mãi đến năm 1829 luật này mới được bãi bỏ. Thánh Gioan Wall phải vô tù năm 1678 và bị xử tử vào năm sau. Các ngài được phong thánh năm 1970.



13/7 – Thánh Henry, Hoàng đế (972-1024)

Với cương vị là vua nước Đức và hoàng đế Rôma, vua thánh Henry là con người của công việc. Ngài mạnh mẽ trong việc củng cố quy luật, dẹp quân phiến loạn và các mối thù hận. Về các phương diện, ngài phải xử lý các vụ tranh giành để bảo vệ biên giới. Điều này khiến ngài có liên quan một số trận mạc, nhất là ở Nam Ý. Ngài cũng giúp ĐGH Bênêđictô VIII dẹp yên rối loạn ở Rôma. Mục đích tối hậu của ngài luôn là ổn định hòa bình ở Âu châu.

Theo thói quen hồi thế kỷ XI, thánh Henry dùng vị thế của mình và bổ nhiệm những người trung thành với ngài làm giám mục. Tuy nhiên, ngài tránh nguy hiểm của việc này và thực sự muốn cải cách đời sống giáo sĩ và tu sĩ.



14/7 – Chân phước Kateri Tekakwitha (1656-1680)

Chín năm sau khi các tu sĩ Dòng Tên là Isaac Jogues và John de Brébeuf bị Huron và Iroquois Indians tra tấn tới chết, một bé gái tên Kateri Tekakwitha sinh ra tại Auriesville, New York, gần nơi hai vị tử đạo kia. Kateri Tekakwitha là chân phước đầu tiên của Bắc Phi.

Mẹ ngài theo Kitô giáo, bị Iroquois bắt và cống làm vợ của trưởng tộc Mohawk, một con người trớ trêu nhất và hung dữ nhất trong Ngũ quốc (Five Nations, 5 nước). Tekakwitha là con thứ tư, cha mẹ và em trai mất vì bị bệnh đậu mùa. Dịch bệnh này còn khiến mặt bà biến dạng và gần bị lòa mắt. Bà được người chú bác nuôi dưỡng. Người chú bác này thay cha bà làm trưởng tộc, ông ghét sự xuất hiện của những “người áo chùng đen”

(blackrobes, tức là các nhà truyền giáo), nhưng ông không thể làm gì vì hiệp ước hòa bình đã ký với Pháp quốc buộc cho các nhà truyền giáo có mặt ở các làng mạc có người Công giáo bị bắt giữ. Bà được đánh động bởi lời của 3 nhà truyền giáo ở với người chú bác của bà, như bà sợ người chú bác ngăn cấm. Bà cương quyết không chịu kết hôn với Mohawk, và lúc 19 tuổi, bà can đảm gia nhập Công giáo. Bà được rửa tội vào lễ Phục sinh với tên thánh là Kateri (Catarina).

Bà bị coi như nô lệ. Vì không chịu làm việc ngày Chúa nhật nên hôm đó bà không được nhận khẩu phần ăn. Bà tiến bộ nhanh trên đường nhân đức. Bà nói với một nhà truyền giáo rằng bà thường suy niệm về chân giá trị của người được rửa tội. Bà được đánh động bởi tình yêu Thiên Chúa đối với con người và thấy được nhân phẩm của người khác. Bà luôn gặp nguy hiểm vì bà gia nhập đạo, và đời sống thánh thiện của bà khiến nhiều người chống đối. Nhờ lời khuyên của một linh mục, bà trốn đi và phải đi bộ suốt 200 dặm (1 dặm là 1,6 km) để đến một làng Công giáo của người Ấn Độ ở St. Louis, gần Montreal.

Trong vòng 3 năm, bà tiến bộ trên đường nhân đức theo sự linh hướng của một linh mục và một phụ nữ lớn tuổi người Iroquois, hoàn toàn tận hiến cho Chúa trong những giờ cầu nguyện lâu, trong việc bác ái và chuyên cần ăn năn đền tội. Lúc 23 tuổi, bà khẩn giữ mình đồng trinh, một hành động chưa từng thấy đối với phụ nữ Ấn Độ. Bà thường vô rừng cầu nguyện mỗi ngày một giờ, thế nên bà bị người ta cho là bí mật đi hẹn trai!

Bà qua đời vào chiều thứ Tư Tuần Thánh. Các nhân chứng nói rằng khuôn mặt hốc hác của bà bỗng biến sắc và nhìn như người khỏe mạnh. Những vết nhăn và cả những vết rỗ (do đậu mùa) đều biến mất và miệng bà tươi cười. Bà được CP GH Gioan-Phaolô II tôn phong chân phước năm 1980.



15/7 – Thánh Bonaventura, Giám mục Tiến sĩ (1221-1274)

Thánh Bonaventura tu Dòng Phanxicô, là thần học gia, là tiến sĩ giáo hội, là người học thức và thánh thiện. Vì tinh thần và các tác phẩm của ngài, mới đầu ngài được gọi là Tiến sĩ Nhiệt thành (Devout Doctor), nhưng từ các thế kỷ gần đây ngài được gọi là Tiến sĩ Thiên thần Seraphim (Seraphic Doctor), danh xưng chỉ sau Giáo phụ Seraphim (Seraphic Father) là thánh Phanxicô, vì ngài cũng có tinh thần thánh Phanxicô.

Ngài sinh tại Bagnoregio, một thành phố ở Trung Ý, ngài được khỏi bệnh nặng khi còn trẻ nhờ lời cầu của thánh Phanxicô Assisi. Sau đó, ngài học nghệ thuật tự do ở Paris. Được gương sáng của thánh Phanxicô và các tu sĩ Dòng Phanxicô gợi hứng, nhất là về thần

học, ngài vào Dòng Phanxicô và trở thành giáo sư thần học dạy đại học. Năm 1257, ngài được bầu làm bề trên tổng quyền (minister general) của Dòng. Ngài là khí cụ của Thiên Chúa trong việc truyền bá lòng yêu thương theo cách của thánh Phanxicô.



16/7 – Đức Mẹ Camêlô

Các vị ẩn tu sống trên Núi Camêlô gần Núi Elijah (Bắc Israel) hồi thế kỷ XII. Họ xây dựng một nhà nguyện dâng kính Đức Mẹ. Thế kỷ XIII, họ được biết đến với danh xưng "Huynh đệ Đức Mẹ Camêlô" (Brothers of Our Lady of Mount Carmel). Họ cử hành thánh lễ và phụng vụ đặc biệt kính Đức Mẹ. Năm 1726, lễ này được mừng kính trong cả giáo hội với tước hiệu Đức Mẹ Camêlô. Qua nhiều thế kỷ, các tu sĩ Dòng Camêlô (Carmelites) coi mình có quan hệ đặc biệt với Đức Mẹ. Các vị thánh lớn và các thần học gia đã thúc đẩy lòng sùng kính này và thường bênh vực mẫu nhiệm Vô nhiễm Nguyên tội (Immaculate Conception).

Thánh Teresa Avila gọi Dòng Camêlô là "Dòng Đức Mẹ Đồng trinh" (the Order of the Virgin). Thánh Gioan Thánh giá tin Đức Mẹ đã cứu ngài khỏi chết đuối khi còn là một em bé, Đức Mẹ đã dẫn ngài tới núi Camêlô và giúp ngài thoát khỏi tù đày. Thánh Teresa Hài đồng Giêsu tin rằng Đức Mẹ đã chữa mình khỏi bệnh. Khi ngài rước lễ lần đầu, ngài tận

hiến cho Đức Mẹ. Trong những ngày cuối đời, ngài thường nói về Đức Mẹ.

Có một truyền thống (có thể không mang tính lịch sử) rằng Đức Mẹ đã hiện ra với thánh Simon Stock, bề trên Dòng Camêlô, trao cho ngài Áo Đức Bà (scapular) và nói ngài truyền bá lòng sùng kính này. Áo Đức Bà tượng trưng sự bảo vệ đặc biệt, kêu gọi những người mang Áo Đức Bà tận hiến cho Đức Mẹ theo cách đặc biệt này. Áo Đức Bà nhắc nhớ lời Phúc âm kêu gọi cầu nguyện và sám hối – lời kêu gọi mà Đức Mẹ là mẫu mực.



17/7 – Thánh Phanxicô Sôlanô, Linh mục (1549-1610)

Thánh Phanxicô Sôlanô xuất thân trong một gia đình có tiếng ở Andalusia, Tây Ban Nha. Có thể nhờ danh tiếng của ngài mà ngài đã can ngăn được 2 người đầu kiếm. Ngài vào Dòng Phanxicô năm 1570, sau khi thụ phong linh mục, ngài tận tâm sống vì người khác. Ngài chăm sóc bệnh nhân trong lúc dịch bệnh, được khâm phục đến nỗi ngài cảm thấy lúng túng, đáng lẽ ngài được sai đi truyền giáo ở Phi châu, nhưng sau đó ngài lại được sai tới Nam Mỹ năm 1589.

Khi làm việc ở đó (nay là Argentina, Bolivia và Paraguay), ngài mau chóng nói được tiếng bản xứ và được dân bản xứ đón nhận. Những lần ngài đi thăm bệnh nhân, ngài thường cầu nguyện với cây vĩ cầm (violin, tức là violông).

Khoảng năm 1601, ngài được sai tới Lima (thuộc Peru), tại đây ngài cố gắng kêu gọi thực dân Tây Ban Nha giữ tính toàn vẹn của bí tích Rửa tội. Ngài còn hoạt động để bảo vệ dân bản xứ khỏi bị áp bức. Ngài qua đời tại Lima và được phong thánh năm 1726.

18/7 – Chân phước Angeline Marsciano, Đồng trinh (1374-1435)

CP Angeline thành lập cộng đoàn nữ tu Phanxicô đầu tiên, khác Dòng của thánh Clara, và được Đức giáo hoàng phê chuẩn. CP Angeline là con của công tước Marsciano (gần Orvieto). Bà mồ côi mẹ khi mới 12 tuổi. Ba năm sau, cô gái Angeline khẩn trọn đời đồng trinh. Cùng năm đó, bà phải tuân lệnh cha để kết hôn với công tước Civitella. May thay, chồng bà tôn trọng lời khấn đồng trinh của bà.

Hai năm sau, chồng bà qua đời, bà vào Dòng Phanxicô và cùng vài phụ nữ khác tự nguyện chăm sóc bệnh nhân, người nghèo, người góa bụa và trẻ mồ côi. Khi nhiều phụ nữ khác gia nhập cộng đoàn của CP Angeline, một số người kết án bà đã vi phạm ơn gọi hôn nhân. Bà đến gặp vua Naples để trả lời về lời kết tội kia, bà đã giấu than hồng trong áo. Khi bà nói mình vô tội và cho nhà vua thấy than hồng trong áo mà bà không bị làm sao, và nhà vua bỏ qua vụ này.

Sau đó, bà và các bạn tới Foligno, nơi có cộng đoàn nữ Dòng Ba Phanxicô đã được giáo hoàng phê chuẩn năm 1397. Bà còn thành lập 15 cộng đoàn nữ khác tại các thành phố ở Ý. Bà qua đời ngày 14-7-1435, được phong chân phước năm 1825.

19/7 – Tội tử Chúa Phanxicô Garcés, Linh mục, và các bạn tử đạo (qua đời khoảng năm 1781)

Việc chính phủ xen vào việc truyền giáo và chiếm đất đai xảy ra ở Ý khiến các tu sĩ này phải thiệt mạng.

Phanxicô Garcés sinh năm 1738 tại Tây Ban Nha, và nơi đây ngài vào Dòng Phanxicô. Ngài thụ phong linh mục năm 1763 và được sai tới Mexico. Năm năm sau, ngài được sai tới San Xavier del Bac, gần Tucson, một trong số các đoàn truyền giáo của Dòng Tên được thành lập ở Arizona và New Mexico. Năm 1767, họ bị nhà vua Công giáo của Tây Ban Nha trục xuất khỏi lãnh thổ. Tại Arizona, ngài làm việc giữa những người Papago, Yuma, Pima và bộ lạc Apache ở Mỹ. Ngài còn đi truyền giáo ở Grand Canyon và California.

Tu sĩ Phanxicô Palou, một người đương thời, viết rằng LM Garcés được dân bản xứ rất yêu mến, có những người trong số họ sống bình an một thời gian dài. Họ thường cho ngài đồ ăn và nhắc đến ngài với cách nói "Vạn tuế Chúa Giêsu" (Viva Jesus).

Vì muốn hoán cải người bản xứ, các nhà truyền giáo Tây Ban Nha muốn tổ chức ổn định cho họ tránh thực dân và quân đội Tây Ban Nha. Như một tư lệnh ở Mexico khẳng định cho rằng hai đoàn truyền giáo mới ở sông Colorado, Misión San Pedro y San Pablo và Misión La Purísima Concepción, đã được hòa nhập.

Cuộc nổi dậy của người Yumas chống lại người Tây Ban Nha đã khiến các tu sĩ Juan Diaz và Matias Moreno thiệt mạng ở Misión San Pedro y San Pablo. Các tu sĩ Phanxicô Garcés và Juan Barreneche bị giết tại Misión La Purísima Concepción (nơi đồn Yuma).

20/7 – Thánh Apollinaris, Giám mục Tử đạo (thế kỷ I)

Theo truyền thống, thánh Phêrô gửi Apollinaris tới Ravenna, Ý, trong cương vị giám mục tiên khởi. Ngài rất thành công trong việc rao truyền Tin Mừng đến nỗi dân ngoại ở đó đánh đập ngài và lôi ngài ra khỏi thành phố. Tuy nhiên, ngài vẫn quay lại, và ngài lại bị trục xuất lần nữa. Sau khi giảng đạo ở quanh vùng Ravenna, ngài lại vào thành phố. Sau khi bị hành hạ dã man, ngài bị đưa lên tàu chơ tới Hy Lạp. Dân ngoại ở đó lại khiến ngài bị trục xuất sang Ý, từ đây ngài lại đi Ravenna lần thứ tư. Ngài qua đời vì bị thương do bị đánh đập ở Classis, ngoại ô Ravenna. Một đại giáo đường được xây dựng dâng kính ngài ở đó từ thế kỷ VI.



21/7 – Thánh Lawrence Brindisi, Linh mục Tiến sĩ (1559-1619)

Thánh Lawrence Brindisi có thiên tài về ngôn ngữ. Ngoài ngôn ngữ bản xứ là tiếng Ý, ngài còn nói và đọc được tiếng Latin, Hebrew, Hy Lạp, Đức, Bohemian, Pháp và Tây Ban Nha.

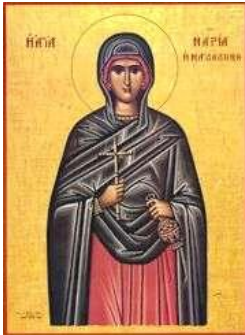
Ngài sinh ngày 22-7-1559. Cha mẹ ngài là ông William và bà Elizabeth Russo đặt tên cho ngài theo tên của Julius Caesar, Caesare theo tiếng Ý. Cha mẹ ngài mất sớm, ngài được người thúc bá cho theo học ở ĐH Thánh Maccô ở Venice. Lúc 16 tuổi, ngài vào Dòng Phanxicô ở Venice và lấy tên dòng là Lawrence. Ngài hoàn tất chương trình triết học và thần học tại ĐH Padua và thụ phong linh mục lúc 23 tuổi.

Với khả năng xuất sắc về ngôn ngữ, ngài học Kinh thánh bằng văn bản gốc. Theo yêu cầu của ĐGH Clêmentô VIII, ngài dành nhiều thời gian giảng đạo cho người Do Thái ở Ý.

Kiến thức về tiếng Hebrew của ngài rất xuất sắc đến nỗi các luật sĩ Do Thái cứ tưởng ngài là người Do Thái trở lại Kitô giáo. Năm 1956, các tu sĩ Phanxicô xuất bản bộ sách 15 cuốn của ngài. 11 cuốn trong 15 cuốn gồm các bài giảng của ngài, mỗi cuốn chủ yếu trích dẫn Kinh thánh để minh chứng những lời ngài giảng.

Ngài rất nhạy cảm với nhu cầu của người khác – một tính chất có thể gây bất ngờ ở các học giả biệt tài như vậy. Ngài được bầu làm giám tỉnh Dòng Phanxicô ở Tuscany khi ngài mới 31 tuổi. Ngài vừa thông minh, vừa thương người và vừa có tài quản lý để làm nhiệm vụ. Năm 1602, ngài được bầu làm bề trên tổng quyền Dòng Phanxicô. Ở cương vị này, ngài có trách nhiệm làm phát triển và mở rộng địa lý của dòng.

Ngài được bổ nhiệm làm Phái viên Tòa thánh (papal emissary) và Sứ giả Hòa bình (peacemaker), một nhiệm vụ khiến ngài phải đi nhiều nước. Cố gắng đạt được hòa bình ở Naples khiến ngài phải đi Lisbon tiếp kiến vua Tây Ban Nha. Tại Lisbon, ngài bị bệnh nặng và qua đời đúng ngày sinh nhật thứ 60 của ngài năm 1619.



22/7 – Thánh Maria Mađalêna

Ngoài Đức Maria, chỉ vài phụ nữ được tôn kính trong Kinh thánh nhiều hơn Maria Magdalêna. Bà có thể là bốn mạng của những người bị vu khống, vì có một truyền thuyết lâu đời trong Giáo hội nói rằng bà là người phụ nữ tội lỗi vô danh đã xức dầu chân Chúa Giêsu được thuật lại trong Lc 7:36-50.

Đa số các học giả Kinh thánh ngày nay đều chứng tỏ rằng không có nền tảng Kinh thánh nào để lẫn lộn hai phụ nữ này. Maria Magdalêna, nghĩa là Maria ở Magdalêna, là người mà Chúa Giêsu đã đuổi “bày quỷ” (Lc 8:2).

LM W.J. Harrington, Dòng Đa Minh, viết trong cuốn “Chú giải Công giáo mới” (New Catholic Commentary): “Bị bày quỷ ám không có nghĩa là thánh Maria Mađalêna đã sống cuộc đời vô luân, một kết luận chỉ đạt được bằng cách lăm lăm với phụ nữ vô danh trong

Lc 7:36”. LM Edward Mally, Dòng Tên, viết trong cuốn “Chú giải Kinh thánh của Thánh Giêrônimô” (Jerome Biblical Commentary): “Bà (Maria Mađalêna) không là phụ nữ tội lỗi trong Lc 7:37, mặc dù có truyền thống lãng mạn Tây phương nói về bà”.

Maria Mađalêna là một trong những người “giúp Chúa Giêsu và Nhóm Mười Hai”. Bà là một trong những người đứng bên Thánh giá với Đức Mẹ.



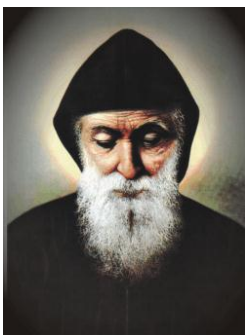
23/7 – Thánh Brighita (1303?-1373)

Từ lúc 7 tuổi, Brighita được thị kiến Đức Kitô bị đóng đinh. Thị kiến đó đã làm nền tảng cho các hoạt động của bà – luôn chú trọng bác ái hơn là ủng hộ tinh thần.

Bà là hoàng hậu của vua Magnus II, vua Thụy Điển. Bà là mẹ của 8 người con (con thứ hai của bà là thánh Catarina Thụy Điển). Sau khi chồng mất, bà sống ăn chay hãm mình nghiêm ngặt. Bà luôn cố gắng tạo ảnh hưởng tốt đối với vua Magnus, chính nhà vua đã cho bà đất đai và nhà cửa để thành lập các tu viện nam và nữ. Các nhóm tu trì này phát triển thành Dòng Thánh Brighita (Bridgetines) mà ngày nay vẫn còn.

Năm Thánh 1350, bà khuyến khích người Âu châu đi hành hương Rôma. Những năm bà sống ở Rôma không thoải mái, bị nợ nần và bị chống đối vì bà phản đối việc lạm dụng của Giáo hội. Đoàn hành hương cuối cùng đến Thánh Địa, bị đắm tàu và con

trai bà là Charles chết, cuối cùng bà mất năm 1373. Năm 1999, bà cùng với thánh Catarina Siena và thánh Edith Stein được tôn vinh là các thánh bốn mạng của Âu châu.



24/7 – Thánh Sharbel Makhlouf, Linh mục (1828-1898)

Giuse Zaroun Maklouf sinh tại làng Beka-Kafra, Lebanon, được người thúc bá nuôi vì ngài mồ côi cha mẹ từ lúc 3 tuổi. Lúc 23 tuổi, ngài vào tu viện thánh Maron ở Annaya, Lebanon, và lấy tên là Sharbel – vị tử đạo hồi thế kỷ II. Ngài khẩn trọn năm 1853 và thụ phong linh mục 6 năm sau.

Noi gương thánh Maron (thế kỷ V), ngài sống ẩn tu từ năm 1875 cho đến chết. Gương thánh thiện của ngài làm cho nhiều người đến xin phúc lành và xin cầu nguyện. Ngài ăn chay nghiêm ngặt và rất sùng kính Thánh Thể. Thi thoảng bề trên sai ngài đi ban các bí tích cho các làng lân cận, ngài vui vẻ vâng lời.

Ngài qua đời vào chiều tối ngày 24-12-1898. Mộ ngài được cả người giáo lẫn người lương đến cầu nguyện và xin ơn chữa lành. Ngài được CP GH Phaolô VI phong chân

phước năm 1965, và được phong thánh năm 1977.



25/7 – Thánh Giacôbê, Tông đồ

Thánh Giacôbê là anh của thánh Gioan thánh sử. Hai anh em được Chúa Giêsu kêu gọi khi họ đang làm việc với người cha trên ngư thuyền ở Biển Galilê: “Đi xa hơn một chút, Người thấy ông Giacôbê, con ông Dêbêđê, và người em là ông Gioan. Hai ông này đang và lưới ở trong thuyền. Người liền gọi các ông. Và các ông bỏ cha mình là ông Dêbêđê ở lại trên thuyền với những người làm công, mà đi theo Người” (Mc 1:19-20). Chúa Giêsu còn kêu gọi hai anh em khác là thánh Phêrô và thánh Anrê.

Thánh Giacôbê là một trong ba người được chứng kiến Chúa biến hình trên núi Tabor, cho con gái ông Giairô sống lại và lúc Chúa Giêsu hấp hối trong vườn Gếtsimani.

Thánh Matthêu kể chuyện người mẹ đến xin cho hai con của bà được ngồi bên tả và bên hữu trong Nước Chúa. “Các người không biết các người xin gì! Các người có uống nổi chén Thầy sắp uống không?”. Họ đáp: “Thưa uống nổi”. Đức Giêsu bảo: “Chén của Thầy, các người sẽ uống; còn việc ngồi bên hữu hay bên tả Thầy, thì Thầy không có quyền cho, nhưng Cha Thầy đã chuẩn bị cho ai, thì kẻ ấy mới được” (Mt 20:22-23). Nghe vậy, các môn đệ đã tức tối vì tham vọng của Giacôbê và Gioan. Và Chúa Giêsu dạy họ về bài học khiêm nhường: **Mục đích của quyền hành là phục vụ.**

Giacôbê và Gioan được Chúa Giêsu đặt cho biệt danh là “con của sấm sét”. Một dịp khác, Chúa Giêsu muốn đi Giêrusalem, Ngài sai mấy sứ giả đi trước nhưng không được người Samari đón tiếp. “Thấy vậy, hai môn đệ Người là ông Giacôbê và ông Gioan nói rằng: “Thưa Thầy, Thầy có muốn chúng con khiến lửa từ trời xuống thiêu huỷ chúng nó không?”, nhưng Đức Giêsu quay lại quở mắng các ông” (Lc 9:54-55).

Thánh Giacôbê là người tử đạo đầu tiên trong các tông đồ. “Thời kỳ ấy, vua Hêrôđê ra tay ngược đãi một số người trong Hội Thánh. Nhà vua đã cho chém đầu ông Giacôbê là anh ông Gioan. Thấy việc đó làm vừa lòng người Do-thái, nhà vua lại cho bắt cả ông Phê-rô nữa. Bấy giờ đang là tuần lễ Bánh Không Men” (Cv 12:1-3). Đừng lầm lẫn thánh Giacôbê tông đồ với tác giả Thư của thánh Giacôbê, người lãnh đạo giáo đoàn Giêrusalem.



26/7 – Thánh Gioakim và Anna, Song thân Đức Mẹ

Trong Kinh thánh, thánh sử Matthêu và Luca cung cấp gia phả của Chúa Giêsu, cho thấy rằng Chúa Giêsu là đỉnh cao của những lời hứa. Chúng ta không biết gì nhiều, ngay cả ông bà Gioakim và Anna cũng chỉ được viết sau khi Chúa Giêsu chịu chết được hơn 100 năm.

Đức tính anh hùng và sự thánh thiện của các ngài được suy ra từ không khí cả gia đình xung quanh Đức Maria trong Kinh thánh. Chúng ta dựa vào các truyền thuyết về thời thơ ấu của Đức Maria hoặc suy đoán từ thông tin trong Kinh thánh, chúng ta thấy sự viên mãn của nhiều thế hệ những con người cầu nguyện ở nơi Đức Mẹ, chính Đức Mẹ đã say đắm trong truyền thống tôn giáo.

Tính cách mạnh mẽ của Đức Maria khi quyết định, liên li cầu nguyện, tuân thủ luật đức tin, sự vững vàng của Đức Mẹ khi gặp khủng hoảng, và tận tụy với những người thân –

tất cả cho thấy gia đình gắn bó yêu thương, trông mong thế hệ kế tiếp duy trì những điều tốt đẹp nhất của quá khứ.

Ông bà Gioakim và Anna (không biết có phải tên thật của các ngài hay không) biểu hiện các thế hệ khá lặng lẽ khi trung thành thực hiện trách nhiệm, giữ đức tin và thiết lập môi trường cho Đấng Thiên Sai tới, nhưng vẫn chưa rõ ràng.

27/7 – Chân phước Antônio Lucci, Giám mục (1682-1752)

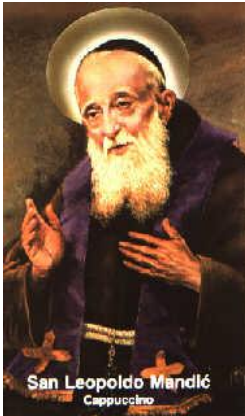
Chân phước Antônio Lucci là bạn học với thánh Francesco Antonio Fasani. Sau khi CP Antonio Lucci qua đời, thánh Francesco Antonio Fasani đã làm chứng về cuộc sống thánh thiện của CP Lucci.

CP Antonio Lucci sinh tại Agnone, Nam Ý, một thành phố nổi tiếng về đức chuông đồng và đồ thủ công bằng đồng, tên rửa tội của ngài là Angelo. Ngài học trường của các tu sĩ Dòng Phanxicô và vào tu dòng này lúc 16 tuổi. Ngài học xong và thụ phong linh mục tại Assisi năm 1705. Ngài học thêm và có bằng tiến sĩ thần học, được bổ nhiệm dạy học ở Agnone, Ravello và Naples.

Ngài được bầu làm giám tỉnh năm 1718, năm sau ngài được chọn làm giáo sư tại Đại học Thánh Bonaventure College ở Rôma. Rồi ngài được ĐGH Bênêđictô XIII bổ nhiệm làm giám mục giáo phận Bovino (gần Foggia) năm 1729. ĐGH Bênêđictô XIII giải thích: “Tôi chọn giám mục giáo phận Bovino là một thần học gia xuất sắc và là vị đại thánh”.

Trong 23 năm làm giám mục, ngài kinh lý các giáo xứ và canh tân Phúc âm sống động trong giáo dân của giáo phận. Ngài dành thời gian để giáo huấn và bác ái. Theo sự thúc giục của bề trên tổng quyền Dòng Phanxicô,

ngài viết một cuốn sách về các thánh và các chân phước trong 200 năm đầu của Dòng Phanxicô. Ngài được phong chân phước năm 1989. Năm 1992, bạn ngài là Francesco Antonio Fasani được phong thánh.



28/7 – Thánh Leopold Mandic, Linh mục (1887-1942)

Các Kitô hữu Tây phương cố gắng đối thoại nhiều hơn với các Kitô hữu Chính thống giáo có thể thu hoạch hoa trái nhờ lời cầu nguyện của LM Leopold Mandic.

Ngài là người Croatia, vào Dòng Phanxicô và thụ phong linh mục vài năm sau dù ngài có vài vấn đề về sức khỏe. Ngài không thể nói to để giảng. Suốt nhiều năm ngài chịu đựng chứng viêm khớp nặng, mắt kém và đau bao tử.

Ngài dạy về các Giáo phụ cho các giáo sĩ trong vài năm, nhưng ngài nổi tiếng về giải tội, có những ngày ngài giải tội 13-15 giờ. Vài vị giám mục tìm đến ngài để được tư vấn tâm linh.

Ước mong của ngài là đến với các Kitô hữu Chính thống giáo và vận động đoàn kết giữa Chính thống giáo và Công giáo La mã, nhưng sức khỏe không cho phép ngài làm được điều đó. Ngài thường xuyên nhắc lại lời khẩn đến với các Kitô hữu Đông phương, và ngài luôn cầu nguyện cho sự hiệp nhất.

Khi ĐGH Piô XII nói rằng tội lỗi lớn nhất của thời đại chúng ta là "mất cảm giác về tội", thánh Leopold đã cảm nhận sâu sắc về tội lỗi và và vững tin vào Ôn Chúa luôn chờ đợi sự hợp tác của con người. Ngài sống nhiều ở Padua, qua đời ngày 30-7-1942 và được phong thánh năm 1982.



29/7 – Thánh Matta

Matta, Maria và Ladarô là các bạn thân của Chúa Giêsu. Ngài tới nhà họ với tư cách là khách hơn là người hoán cải các tội nhân như Dakêu hoặc được một người Phariseu khả nghi tiếp đón không câu nệ hay khách sáo gì. Hai chị em không ngại mời Chúa Giêsu đến khi em trai họ qua đời, mặc dù trở lại Giuđêa vào thời điểm đó hầu như là đã chết chắc.

Không nghi ngờ, Matta là người năng động. Một lần nọ (x. Lc 10:38-42), bà chuẩn bị bữa ăn cho Chúa Giêsu và bà không ngại khi trách em gái.

Nhưng các dịp khác, Chúa nhấn mạnh về tính ưu việt của tâm linh: "Vì vậy Thầy bảo cho anh em biết: đừng lo cho mạng sống: lấy gì mà ăn; cũng đừng lo cho thân thể: lấy gì mà mặc. Mạng sống chẳng trọng hơn của ăn, và thân thể chẳng trọng hơn áo mặc sao?..."

Trước hết hãy tìm kiếm Nước Thiên Chúa và đức công chính của Người, còn tất cả những thứ kia, Người sẽ thêm cho" (Mt 6:25, 33); "Người ta sống không chỉ nhờ cơm bánh" (Lc 4:4); "Phúc thay ai khát khao nên người công chính, vì họ sẽ được Thiên Chúa cho thỏa lòng" (Mt 5:6).

Vinh dự lớn lao của Matta là câu tuyên xưng đức tin đơn giản mà mạnh mẽ sau cái chết của em trai. "Đức Giêsu nói: "Chính Thầy là sự sống lại và là sự sống. Ai tin vào Thầy, thì dù đã chết, cũng sẽ được sống. Ai sống và tin vào Thầy, sẽ không bao giờ phải chết. Chị có tin thế không?" Cô Matta đáp: "Thưa Thầy, có. Con vẫn tin Thầy là Đức Kitô, Con Thiên Chúa, Đấng phải đến thế gian" (Ga 11:25-27).



30/7 – Thánh Phêrô Chrysologus, Giám mục Tiên sĩ (406-450?)

Ngài thường được gọi là Phêrô Kim ngôn hoặc Kim khẩu. Một người hăng hái theo đuổi một mục đích có thể sinh kết quả hơn cả mong đợi, đó là thánh Phêrô Kim ngôn. Ngài làm giám mục giáo phận Ravenna khi còn trẻ tuổi.

Thời đó có những sự lạm dụng và vết tích của chủ nghĩa ngoại giáo ở giáo phận của ngài, và ngài quyết định đấu tranh. Vũ khí chính của ngài là những bài giảng ngắn gọn, nhiều bài còn lưu truyền tới ngày nay. Các bài giảng đó không chứa đựng tư tưởng cao siêu, nhưng chứa đầy cách áp dụng luân lý, giáo lý và quan trọng về lịch sử. Các bài giảng của ngài có mức chính xác đến nỗi khoảng 13 thế kỷ sau, ngài được ĐGH

Bê-nê-đi-ctô XXIII tôn vinh là Tiên sĩ Hội thánh.

Ngài nổi bật về lòng trung thành với Giáo hội, không chỉ trong những bài giáo huấn mà còn cả trong quyền hành. Một thời gian trước khi qua đời, ngài trở lại Imola, nơi ngài sinh, và cũng là nơi ngài qua đời.

31/7 – Thánh Inhaxiô Loyola (1491-1556)

Thánh Inhaxiô là vị sáng lập Dòng Tên. Ngài là một quân nhân và bị trái pháo làm bị thương ở chân. Khi nằm điều trị, không có sách nào hay để đọc, ngài "giết thời gian" bằng cách đọc sách về cuộc đời Chúa Kitô và hạnh các thánh. Ngài được đánh động sâu sắc. Thấy Đức Mẹ trong một thị kiến, ngài quyết định hành hương tới đền Đức Mẹ ở Montserrat (gần Barcelona). Ngài ở Manresa gần 1 năm, và thường vào hang động để cầu nguyện.



Sau một thời gian lắng đọng tâm hồn, ngài cân nhắc cuộc đời. Làm thế nào cũng không thấy lòng bình an. Một thời gian dài sau ngài mới lấy lại được quân bình. Khi đó ngài bắt đầu viết kiệt tác “Luyện tập Tâm linh” (Spiritual Exercises).

Ngài sống 11 năm ở các trường đại học Âu châu, ngài học rất khó khăn, bắt đầu như một đứa trẻ. Hai lần ngài bị nghỉ ngơi và 2 lần bị tù một thời gian ngắn.

Năm 1534, khi ngài 43 tuổi, ngài và 6 anh em khác (trong đó có thánh Phanxicô Xaviê) khẩn sống khó nghèo và khiết tịnh, và cùng tới Thánh Địa. Bốn năm sau, thánh Inhaxiô lập Dòng Tên và được ĐGH Phaolô III phê chuẩn, chính thánh Inhaxiô được bầu làm bề trên tổng quyền đầu tiên. Ngài còn thành lập trường ĐH Rôma, kiểu mẫu của các Đại học khác.

Ngài thực sự là nhà thần bí. Ngài tập trung đời sống tâm linh vào các nền tảng chính của Kitô giáo – Chúa Ba Ngôi, Đức Kitô, và Thánh Thể. Tinh thần của ngài được diễn tả bằng câu châm ngôn của Dòng Tên: “Ad majorem Dei gloriam” (vì vinh quang Thiên Chúa). Theo khái niệm của ngài, vâng lời là nhân đức nổi trội, bảo đảm hiệu quả và tính di động của các tu sĩ. Mọi hoạt động được hướng dẫn bằng lòng yêu thực sự dành cho Giáo hội và vâng lời Đức Giáo hoàng vô điều kiện, do đó mà các tu sĩ Dòng Tên có lời khẩn thứ tư là đến bất cứ nơi nào ĐGH sai đi để cứu các linh hồn.

Thom. Aq. TRÂM THIÊN THU

(Chuyển ngữ từ BeliefNet.com, Saints.sqpn.com, AmericanCatholic.org, Catholic.org)